TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 26/01/2018
V/v Ly hôn và nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ
Các Hội thẩm nhân dân:
1. *Bà Lê* Thị Dệt
2. Bà Đỗ Thị Thu

Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Phương Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Anh Quang - Kiểm sát viên

Ngày 26/01/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 146/2017/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2017 về việc "Ly hôn và nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2017/QĐXXST-DS ngày 12/12/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2017/QĐST-HNGĐ ngày 28/12/2017 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 01/TB-TA ngày 11/01/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Cao Thị L, sinh năm 1992 (có mặt)
ĐKNKTT: Thôn 1, xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.
Nơi ở hiện nay: Thôn T, xã V, huyện N, Thanh Hóa
- *Bị đơn*: Anh Trương Trọng N, sinh năm 1992 (vắng mặt)
Cư trú: Thôn 1, xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện nộp ngày 21/8/2017 và quá tình giải quyết, xét xử, nguyên đơn chị Cao Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị L và anh N xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình đồng ý và tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N ngày 25/9/2012. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 5/2013 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không

hợp, anh N là người không có lập trường, chính kiến, bản lĩnh thường nghe lời bố mẹ dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tháng 5/2013 chị mang con về bên ngoại ở. Đến tháng 11/2013 chị mang con về giao cho anh N cùng ông bà nội nuôi cho đến nay. Hiện chị không có thai. Vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ sinh lý từ tháng 5/2013. Chị xác định không còn tình cảm với anh N nên xin được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh N có 1 con chung là Trương Tâm L, sinh ngày 23/3/2013 hiện khỏe mạnh và phát triển bình thường, đang ở với anh N. Nguyện vọng của chị đề nghị giao con cho anh N trực tiếp nuôi, chị cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) kể từ tháng 01/2018 đến khi con thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về phía anh Trương Trọng N:* Đã nhận được thông báo thụ lý vụ án nhưng trong thời hạn 15 ngày anh không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh không đến làm việc. Tòa án phải niêm yết các văn bản tố tụng tại gia đình anh N cũng như trụ sở chính quyền địa phương.

Qua xác minh tại gia đình, mẹ anh N là bà Nguyễn Thị M cho biết: Gia đình bà đã nhận được thông báo thụ lý vụ án số 146 ngày 22/8/2017 và giấy triệu tập của Tòa án. Sau khi nhận được các văn bản của Tòa án, bà đã trực tiếp giao cho con là Trương Trọng N. Anh N có trao đổi với bà như sau: Về hôn nhân anh đồng ý ly hôn; về con chung: Anh xin nuôi con, yêu cầu chị L cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đ kể từ tháng 01/2018; về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Đối với đương sự chị L thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71. Đối với anh N chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng hồ sơ và không có mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng anh N vắng mặt; vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh theo khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

+ Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị L được ly hôn anh N; giao con cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, buộc chị L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ.

Chị L chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nhiều lần anh N không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 đến phiên tòa nhưng

anh vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Cao Thị L và anh Trương Trọng N có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm tính tình không hợp nên thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ sinh lý từ tháng 5 năm 2013. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh N mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Nay chị L xin được ly hôn, về phía anh N cũng đồng ý. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con: Xác định vợ chồng chị L và anh N có 1 con chung là Trương Tâm L, sinh ngày 23/3/2013 khỏe mạnh, phát triển bình thường, hiện đang ở với anh. Ly hôn nguyện vọng chị L là giao con cho anh N nuôi dưỡng, chị cấp dưỡng nuôi con hằng tháng 1.000.000đ kể từ tháng 01/2018. Xét thấy cháu L hiện đang ở với anh N cùng gia đình ông bà nội, thông qua ý kiến bà M (Mẹ anh N) thể hiện anh N có nguyện vọng trực tiếp nuôi con. HĐXX thấy ý kiến chị L phù hợp thực tế nên chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con, mức chị L đưa ra là phù hợp nên chấp nhận.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Chị L và anh N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[3] Về án phí: Chị Cao Thị L khởi kiện vụ án xin ly hôn nên chị phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm và phải cấp dưỡng nên nuôi con nên phải nộp tiền án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều: 56, 57, 81, 82, 83, 110, 116, 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án; Danh mục mức án phí lệ phí, tòa án ban hành kèm theo nghị quyết:

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu, chị Cao Thị L được ly hôn anh Trương Trọng N.

Về con chung: Giao cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Trương Tâm L, sinh ngày 23/3/2013. Chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng), kể từ tháng 01/2018 đến khi con thành niên và có khả năng lao động. Chị L có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Cao Thị L phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2015/0006460 ngày 22/8/2017; còn phải nộp tiếp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Chị L được quyền kháng cáo bản sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh N được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niên yết bản án.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKS huyện Nông Cống;
- TAND Tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND xã V, huyện N;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Huệ